

Thứ ba, ngày 20 tháng 4 năm 2021

Vietnam Daily Review

Lập đỉnh lịch sử trước nghỉ lễ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/4/2021		•	
Tuần 19/4-23/4/2021		•	
Tháng 4/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex duy trì sắc xanh trong hầu hết phiên giao dịch và hiện đang ở sát ngưỡng 1270. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư giảm nhẹ nhưng vẫn có 12/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái cân bằng với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo nhận định hiện tại, VNIndex nhiều khả năng sẽ vận động tích lũy trong khu vực 1260-1280 vào những phiên giao dịch tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Phân tích kỹ thuật: HAX_Tăng giá (Trang 3)

Cập nhật NTP (Trang 6)

Điểm nhấn

- VN-Index +7.7 điểm, đóng cửa 1268.28. HNX-Index +0.73 điểm, đóng cửa 296.48.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (+4.61); VHM (+3.7); VNM (+1.83); MWG (+0.66); VIB (+0.61).
- Kéo chỉ số giảm: GVR (-0.82); VIC (-0.81); HPG (-0.52); MSN (-0.49); CTG (-0.49).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 21,165 tỷ đồng, +15.34% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 23,100 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 25.04 điểm. Thị trường có 187 mã tăng, 62 mã tham chiếu và 227 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -553.02 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (-340.4 tỷ), VNM (-129.4 tỷ) và CTG (-117.7 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -5.49 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1268.28
Giá trị: 21165.4 tỷ 7.7 (0.61%)
Khối ngoại (ròng): -553.02 tỷ

HNX-INDEX 296.48
Giá trị: 2711.28 tỷ 0.73 (0.25%)
Khối ngoại (ròng): -5.49 tỷ

UPCOM-INDEX 81.73
Giá trị: 804.4 tỷ -0.26 (-0.32%)
Khối ngoại(ròng): 1.35 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	64.1	1.17%
Giá vàng	1,767	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	23,075	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,721	0.34%
Tỷ giá JPY/VND	21,281	-0.22%
LS liên NH 1 tháng	0.7%	29.42%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	66.1	VHM	-340.4
VIC	58.2	VNM	-129.4
NVL	44.3	CTG	-117.7
HDB	28.3	HPG	-103.2
STB	28.3	KDH	-60.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cập nhật NTP	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 20/4

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	63.69	0.49%	5.80%	3.70%	111.45%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	67.40	0.52%	5.90%	6.90%	94.01%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	205.24	0.39%	3.90%	5.60%	123.23%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1769.57	-0.10%	1.40%	1.40%	4.93%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.84	0.05%	1.90%	-1.60%	72.59%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1444.50	0.56%	4.30%	3.00%	68.55%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	656.00	0.34%	3.60%	5.90%	19.54%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.16	0.00%	-1.50%	7.80%	22.51%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	213.99	0.58%	4.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.21	-2.17%	5.50%	3.50%	41.33%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	131.90	0.53%	1.50%	-2.70%	7.24%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9376.00	1.79%	5.80%	4.60%	80.88%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	785.75	0.20%	1.60%	8.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	828.51	-0.24%	1.30%	10.70%			
Nhôm	USD/ton	2330.00	0.65%	3.00%	5.80%	55.02%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	165.21	1.28%	6.50%	16.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	90.35	-0.55%	6.20%	6.80%	51.98%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 28 US cent tương đương 0.4% lên 67.05 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 25 US cent tương đương 0.4% lên 63.38 USD/thùng.
- JP Morgan dự kiến giá dầu Brent sẽ vượt ngưỡng 70 USD/thùng vào tháng 5/2021 so với dự báo trước đó vào tháng 9/2021 và kết thúc năm giá dầu sẽ ở mức 74 USD/thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.3% xuống 1,770.97 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm 0.5% xuống 1,770.6 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.8% lên 1,060 CNY (162.7 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn Singapore tăng 1.4% lên 174.6 USD/tấn.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 1%. Thép cuộn cán nóng giảm 0.5%.
- Nhu cầu thép tại Trung Quốc – nước sản xuất và xuất khẩu nguyên vật liệu xây dựng và sản xuất hàng đầu thế giới – tăng, thúc đẩy giá nhà và doanh số bán máy xúc tăng.
- Nhu cầu thép toàn cầu sẽ tăng 5.8% trong năm nay, khi các nền kinh tế hồi phục sau đại dịch Covid-19, Hiệp hội Thép Thế giới cho biết.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Osaka giảm 7.8 JPY tương đương 3.3% xuống 229.9 JPY (2.1 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Thượng Hải giảm 0.6% xuống 13,655 CNY/tấn.
- Giá cao su tại Nhật Bản giảm hơn 3%, do gia tăng mối lo ngại về các công ty tại Nhật Bản chịu tác động khi các trường hợp nhiễm virus corona tăng, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và nền kinh tế.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2021 tăng 0.7 US cent tương đương 0.5% lên 1.319 USD/lb. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn London tăng 5 USD tương đương 0.4% lên 1,385 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2021 trên sàn ICE giảm 0.43 US cent tương đương 2.6% xuống 16.29 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn Londongiảm 9.3 USD tương đương 2% xuống 454 USD/tấn. Tiêu thụ đường Ấn Độ trong mùa cao điểm sẽ giảm năm thứ 2 liên tiếp, sau khi các bang khác nhau áp đặt các hạn chế nhằm ngăn chặn Covid-19 gia tăng.

	20/4	% 20/4	19/4	% 19/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1268.28	0.61%	1260.58	1.77%	1.60%	6.22%
S&P 500			4163.26	-0.53%	0.85%	4.76%
HĐTL S&P500	4160.25	0.11%	4155.50	-0.50%	0.66%	6.68%
Shang- hai	3472.94	-0.13%	3477.55	1.49%	2.25%	0.29%
Euro Stoxx	4001.44	-0.46%	4019.91	-0.32%	0.87%	3.94%

Phân tích kỹ thuật

HAX_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: HAX đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá sau khi tích lũy ngắn hạn tại khu vực 22-23 vào trong 1 tháng qua. Thanh khoản tăng cao trong phiên hôm nay đã đẩy giá cổ phiếu đóng cửa ở mức trần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của HAX nằm tại khu vực 22-22.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 28, cắt lỗ nếu ngưỡng 21 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

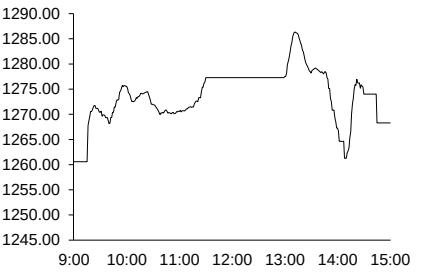
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-2.13%
Dịch vụ tài chính	-1.31%
Tài nguyên Cơ bản	-1.10%
Ô tô và phụ tùng	-0.87%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.74%
Y tế	-0.25%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.23%
Xây dựng và Vật liệu	0.18%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.40%
Bảo hiểm	0.42%
Dầu khí	0.51%
Thực phẩm và đồ uống	0.71%
Bất động sản	0.88%
Du lịch và Giải trí	0.98%
Ngân hàng	1.03%
Công nghệ Thông tin	1.24%
Truyền thông	1.72%
Bán lẻ	3.11%
Viễn thông	5.17%

Hình 1

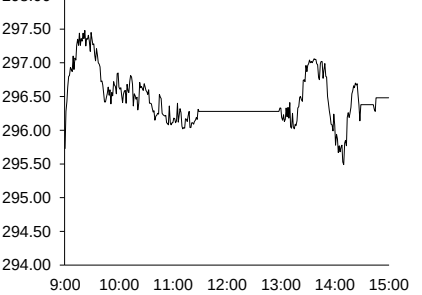
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

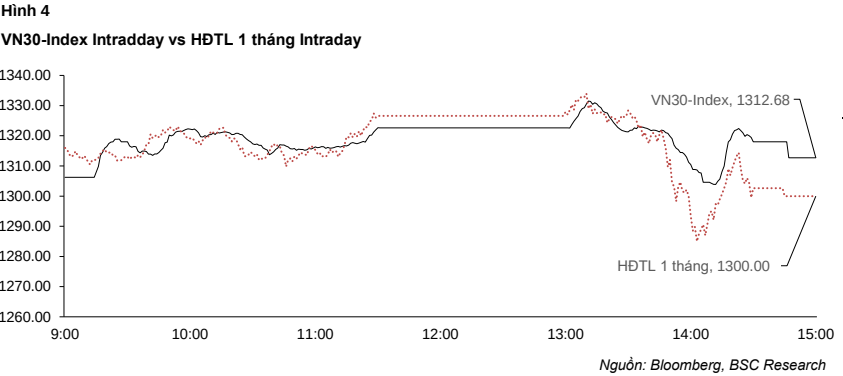
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/19/2021	BMI	29.15	32.5	27	28.5	1	-2.23%	Có thể tiếp tục mua
4/16/2021	HPG	54.6	61	52	57.2	4	4.76%	Có thể tiếp tục mua
4/15/2021	NKG	25.35	30.5	22	26.9	5	6.11%	Có thể tiếp tục mua
4/14/2021	MSR	22.6	23.9	21	21.4	6	-5.31%	Có thể tiếp tục mua
4/12/2021	TCB	42.15	46.5	38	41.15	8	-2.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/9/2021	FPT	82.1	96	72.5	82.9	11	0.97%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2021	TNG	24.9	27.8	21.3	23.4	12	-6.02%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/2/2021	CTS	17.3	19	15	16.55	18	-4.34%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/30/2021	GMD	33.85	37.3	31.6	33.3	21	-1.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/19/2021	BVH	61	67.1	55.8	60	32	-1.64%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
3/17/2021	FRT	30.25	36	28	29.4	34	-2.81%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	13.8	57	-2.82%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	37.3	70	-3.37%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/13/2021	MSN	94.2	98.2	89.1	TP	3	4.25%
4/7/2021	VRE	35.4	39	33.5	SL	9	-5.37%
4/6/2021	ANV	23.8	26.5	21.7	SL	14	-8.82%
4/5/2021	VCB	102	112.5	97	SL	9	-4.90%
4/1/2021	VNM	101	110	98	SL	15	-2.97%
3/31/2021	SAB	180	200	173	SL	14	-3.89%
3/29/2021	CII	25.55	28.5	22.5	SL	18	-11.94%
3/26/2021	EVG	11.2	16	9.5	FS	17	27.68%
3/25/2021	VPH	5.88	6.8	5.3	TP	19	15.65%
3/24/2021	SSN	7.4	10	6	FS	16	25.68%
3/23/2021	PWA	14.4	15.8	12.8	SL	28	-11.11%
3/22/2021	AMV	13.4	14.8	12	SL	4	-10.45%
3/18/2021	DRC	28.55	32	27	SL	29	-5.43%
3/16/2021	FIR	26.7	29.4	25.5	SL	9	-4.49%
3/15/2021	ITA	7.17	8.75	6.7	SL	11	-6.56%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	3	10	3.95%	-3.25%	-1.59%	21
Cổ phiếu đã chốt	132	72	13.35%	-7.90%	5.85%	28

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2105	1300.00	-0.91%	-12.68	51.0%	280,266	5/20/2021	31
VN30F2106	1299.10	-0.06%	-13.58	24.4%	1,130	6/17/2021	59
VN30F2109	1296.50	-1.02%	-16.18	-14.9%	137	9/16/2021	150
VN30F2112	1297.90	-0.86%	-14.78	56.7%	94	12/16/2021	241

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +6.46 điểm, lên 1312.68 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VHM, VCB, MWG, FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1310-1325 điểm. VN30 có thể tiếp tục vận động tăng lên 1320 điểm trong những phiên tiếp theo
- Các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch , các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2105 và VN30F2106 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2006	4/27/2021	7	20:1	4,066,800	28.63%	1,000	1,340	36.73%	1,189	1.13	104,888	84,888	108,600
CVNM2102	7/6/2021	77	9.91:1	1,744,300	23.08%	1,700	2,610	33.85%	137	19.09	127,000	110,000	99,300
CVHM2010	5/4/2021	14	10:1	1,412,100	28.63%	1,300	3,580	25.61%	3,224	1.11	89,500	76,500	108,600
CVHM2008	6/11/2021	52	10:1	1,324,300	28.63%	1,400	3,830	23.55%	2,042	1.88	102,888	88,888	108,600
CVHM2104	8/9/2021	111	10:1	1,621,900	28.63%	1,600	4,020	22.19%	1,415	2.84	114,000	98,000	108,600
CVHM2102	7/6/2021	77	10:1	1,274,400	28.63%	1,900	4,400	19.89%	2,267	1.94	106,000	87,000	108,600
CVRE2014	5/4/2021	14	1:1	660,700	31.70%	4,600	7,520	17.13%	7,150	1.05	32,100	27,500	34,600
CMWG2016	6/10/2021	51	10:1	1,110,700	28.95%	1,700	3,660	11.93%	3,523	1.04	125,000	108,000	142,500
CVRE2013	7/30/2021	101	1:1	691,800	31.70%	5,000	9,200	8.24%	7,624	1.21	32,500	27,500	34,600
CKDH2001	5/14/2021	24	4:1	333,500	30.34%	1,400	2,110	1.93%	2,002	1.05	31,822	26,222	34,150
CHPG2103	7/6/2021	77	2:1	536,500	32.74%	3,900	9,350	1.85%	7,832	1.19	49,800	42,000	57,200
CNVL2003	6/11/2021	52	10:1	3,931,200	26.08%	1,000	4,730	1.72%	4,495	1.05	73,979	63,979	108,500
CHPG2104	7/5/2021	76	3:1	383,200	32.74%	1,500	6,100	1.67%	4,326	1.41	49,300	44,800	57,200
CTCB2103	8/9/2021	111	2:1	619,800	33.30%	2,900	5,760	1.05%	3,440	1.67	41,300	35,500	41,150
CTCB2012	7/30/2021	101	1:1	341,200	33.30%	5,400	19,770	-1.64%	19,437	1.02	27,400	22,000	41,150
CSTB2014	6/14/2021	55	1:1	312,200	39.97%	3,800	10,800	-1.82%	10,586	1.02	15,800	12,000	22,500
CHPG2018	5/14/2021	24	4:1	1,568,500	32.74%	1,200	6,830	-2.01%	6,824	1.00	34,799	29,999	57,200
CVPB2015	7/30/2021	101	1:1	144,800	36.39%	5,600	23,690	-2.23%	23,840	0.99	31,600	26,000	49,500
CSTB2007	4/27/2021	7	2:1	2,116,200	39.97%	1,500	5,820	-2.84%	5,777	1.01	13,999	10,999	22,500
Tổng				24,194,100	31.38%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/4/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều giảm. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CVNM2102 và CVNM2103 tăng mạnh lần lượt là 33.85% và 32.68%. Giá trị giao dịch tăng 50.72%. CNVL2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.34% thị trường.
- CHPG2102, CKDH2004, CHPG2105, CMWG2017, và CVRE2015 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CHPG2022, và CKDH2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2020, CVPB2015, và CMWG2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

CTCP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG – THEO DÕI – Lợi nhuận giảm khi giá hạt nhựa cao

Mã cổ phiếu: NTP (HNX), Vốn hóa: 4,087 tỷ, Số lượng cổ phiếu lưu hành: 117.8 triệu cổ phiếu, Giá thị trường: 34,800 VND, Sở hữu nước ngoài: 18.91%

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Thị Kiều Hạnh

(1) Kết quả thực hiện 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận:

- Tổng doanh thu 4,646 tỷ (-3% YoY) do ảnh hưởng của dịch bệnh khiến cho sản lượng tiêu thụ giảm 4.5% YoY. Tuy nhiên nhờ dự báo đúng xu hướng giá nguyên liệu, tăng tồn kho khi giá PVC xuống thấp (T4-T5/2020) nên biên LNG tăng từ 30.1% lên 30.9%. Trong năm công ty có trích lập dự phòng phải thu 78.8 tỷ liên quan đến nhà phân phối Minh Hải khiến CP QLDN tăng mạnh 59%. LNST năm 2020 đạt 447 tỷ (+9.3% YoY).
- Chi trả cổ tức 2020 tỷ lệ 25% tiền (15% đã ứng trước). Trích quỹ KTPL 10%
- Kế hoạch năm 2021: 20% tiền và 10% cổ phiếu

(2) Kế hoạch kinh doanh 2021: Sản lượng 100,000 tấn (+10% YoY), doanh thu 5,100 tỷ (+16% YoY), LNTT 432 tỷ (-14% YoY) trong bối cảnh giá hạt nhựa đầu vào tăng cao.

(3) Lũy kế Q1/2021, LNTT của NTP đạt 150 tỷ (+77% YoY) nhờ (1) trong T3/2021, NTP tăng giá bán sản phẩm với mức tăng 20-25% với một số nhóm sản phẩm PVC để điều chỉnh với đà tăng giá nguyên liệu hạt nhựa đã khiến các đại lý tăng tồn kho và (2) hưởng lợi một phần từ tồn kho nguyên liệu giá thấp trong Q4/2020. Kết quả kinh doanh Q1/2021 tương đương hoàn thành 35% kế hoạch lợi nhuận năm.

(4) Cập nhật khác

- Liên quan đến khoản phải thu của công ty Minh Hải (nhà phân phối lớn của NTP): Minh Hải đã dừng hoạt động từ 1/1/2020, hiện công ty đang phối hợp với NTP đơn đốc các khách hàng trả nợ (chủ yếu là các công trình lớn). Dư nợ của Minh Hải đối với NTP hiện còn khoảng 180 tỷ, NTP tự tin vào khả năng thu hồi (trong năm 2020, NTP đã trích 78.8 tỷ dự phòng theo quy định).
- NTP chính thức dừng triển khai dự án bất động sản tại số 2 An Đà (khu vực nhà máy cũ trong thành phố) do khó khăn trong tiến hành các thủ tục đầu tư. Hiện miếng đất số 2 An Đà vẫn có nhà máy của NTP hoạt động, NTP vẫn còn thời gian thuê đất dài tại đây.
- Thoái vốn nhà nước (37.1%) sẽ thực hiện theo lộ trình của Nhà nước.

(5) Dự báo kết quả kinh doanh

BSC dự báo năm 2021, doanh thu thuần của NTP đạt 5,065 tỷ đồng (+12.9% YoY) với giả định sản lượng tiêu thụ 97,100 tấn (+6.5% YoY), giá bán sản phẩm PVC +10% YoY. LNST ước đạt 406 tỷ (-9.1% YoY) với giả định giá nguyên liệu PVC +30% YoY, HDPE và PPR +10% YoY, NTP không trích lập thêm dự phòng với khoản phải thu từ nhà phân phối Minh Hải. EPS 2021F = 3,100 đồng/CP, P/E fw = 11.2 lần.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	142.5	3.7%	1.0	2,946	13.4	8,654	16.5	4.2	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	94.4	0.4%	1.0	933	2.8	4,532	20.8	4.1	49.0%	20.9%
BVH	Bảo hiểm	60.0	0.8%	1.5	1,936	3.2	2,087	28.8	2.2	27.4%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	33.0	-0.9%	0.5	321	0.1	3,404	9.7	1.1	54.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	143.1	-0.6%	0.7	21,045	19.5	1,689	84.7	5.9	14.5%	7.1%
VRE	Bất động sản	34.6	1.9%	1.1	3,418	20.8	1,048	33.0	2.7	30.6%	8.5%
VHM	Bất động sản	108.6	3.9%	1.1	15,532	72.8	8,314	13.1	4.2	22.7%	38.6%
DXG	Bất động sản	25.7	0.0%	1.3	578	15.5	(956)		2.2	33.3%	-7.5%
SSI	Chứng khoán	34.1	-2.0%	1.4	958	22.5	2,094	16.3	2.1	45.8%	13.1%
VCI	Chứng khoán	63.3	-1.9%	1.0	456	3.6	4,662	13.6	2.3	24.6%	17.9%
HCM	Chứng khoán	32.0	-2.6%	1.5	424	5.4	2,462	13.0	2.0	47.1%	16.4%
FPT	Công nghệ	82.9	1.7%	0.9	2,844	17.2	4,520	18.3	4.1	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	78.0	1.4%	0.4	928	0.3	5,165	15.1	4.5	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	88.0	0.9%	1.3	7,323	5.4	4,102	21.5	3.5	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	52.9	0.8%	1.5	2,861	3.1	723	73.2	3.0	16.3%	4.5%
PVS	Dầu khí	23.2	-0.4%	1.6	482	8.8	1,306	17.8	0.9	8.6%	5.1%
BSR	Dầu khí	16.5	1.2%	0.8	2,224	6.2	(909)	N/A	1.6	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	97.0	-0.5%	0.4	551	0.1	5,443	17.8	3.6	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	19.2	1.6%	0.7	327	1.0	1,765	10.9	0.9	14.2%	8.6%
DCM	Hóa chất	17.0	-2.3%	0.6	391	1.8	1,017	16.7	1.4	3.3%	8.7%
VCB	Ngân hàng	103.0	4.6%	1.1	16,609	27.8	4,975	20.7	4.1	23.3%	21.1%
BID	Ngân hàng	43.2	0.5%	1.3	7,554	5.1	1,740	24.8	2.3	16.9%	9.3%
CTG	Ngân hàng	42.0	-1.2%	1.3	6,799	42.9	3,678	11.4	1.8	26.2%	16.9%
VPB	Ngân hàng	49.5	-0.1%	1.2	5,283	16.1	4,271	11.6	2.3	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	30.5	0.0%	1.2	3,711	17.3	2,965	10.3	1.8	22.9%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.6	-0.3%	1.0	3,158	10.6	3,557	9.4	2.0	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	60.0	-0.2%	0.7	214	0.4	6,385	9.4	2.0	81.5%	21.2%
NTP	Nhựa	34.6	-0.3%	0.5	177	0.1	3,526	9.8	1.6	18.9%	16.1%
MSR	Tài nguyên	21.4	-0.5%	0.7	1,023	1.4	39	548.7	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	57.2	-1.0%	1.1	8,240	94.1	4,060	14.1	3.2	30.4%	25.2%
HSG	Thép	31.6	-3.1%	1.3	610	19.6	3,387	9.3	2.0	7.5%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	99.3	3.3%	0.7	9,023	30.0	4,770	20.8	6.6	55.6%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	170.0	0.0%	0.8	4,740	1.4	7,064	24.1	5.5	63.0%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	105.5	-1.5%	0.9	5,388	20.2	1,054	100.1	7.8	32.6%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	21.2	-2.1%	1.2	568	2.9	946	22.4	1.7	8.3%	7.4%
ACV	Vận tải	72.7	3.7%	0.8	6,881	1.0	577	126.0	4.2	3.4%	3.4%
VJC	Vận tải	131.0	1.4%	1.1	2,984	4.2	132		4.6	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	31.2	0.8%	1.7	1,924	1.1	(7,705)		7.0	9.2%	-89.3%
GMD	Vận tải	33.3	-1.5%	1.0	436	2.7	1,149	29.0	1.7	37.6%	5.8%
PVT	Vận tải	17.1	-2.6%	1.3	240	2.4	2,068	8.2	1.1	12.2%	14.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	92.0	0.0%	1.0	640	0.8	8,257	11.1	3.8	3.8%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	33.2	0.6%	0.4	647	0.2	1,340	24.8	2.3	6.5%	9.5%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.3	-1.4%	0.9	286	0.8	1,592	10.8	1.2	3.1%	11.3%
CTD	Xây dựng	69.2	1.6%	1.0	223	1.6	4,158	16.6	0.6	45.1%	3.8%
CII	Xây dựng	22.7	-1.5%	0.5	235	1.8	1,030	22.0	1.1	31.7%	5.1%
REE	Điện	52.0	-1.3%	-1.4	699	1.4	5,250	9.9	1.4	49.0%	14.9%
PC1	Điện	25.8	-0.4%	-0.4	214	0.5	2,438	10.6	1.2	11.7%	13.8%
POW	Điện	13.0	-0.8%	0.6	1,324	6.5	1,010	12.9	1.1	3.8%	8.5%
NT2	Điện	20.9	-0.2%	0.5	262	0.4	1,872	11.2	1.5	15.3%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	37.3	-2.4%	1.1	762	9.0	478	78.1	1.8	21.8%	2.4%
BCM	Khu công nghiệp	56.9	0%	1.0	2,561	0.1			3.7	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	103.00	4.57	4.45	6.27MLN
VHM	108.60	3.92	3.66	15.27MLN
VNM	99.30	3.33	1.78	6.99MLN
MWG	142.50	3.71	0.63	2.18MLN
VIB	54.00	3.85	0.59	1.84MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	0.00	-0.85	2.66MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.81	3.11MLN	607060
HPG	0.00	-0.53	37.83MLN	373600
MSN	0.00	-0.50	4.29MLN	192700
CTG	0.00	-0.50	23.24MLN	611640

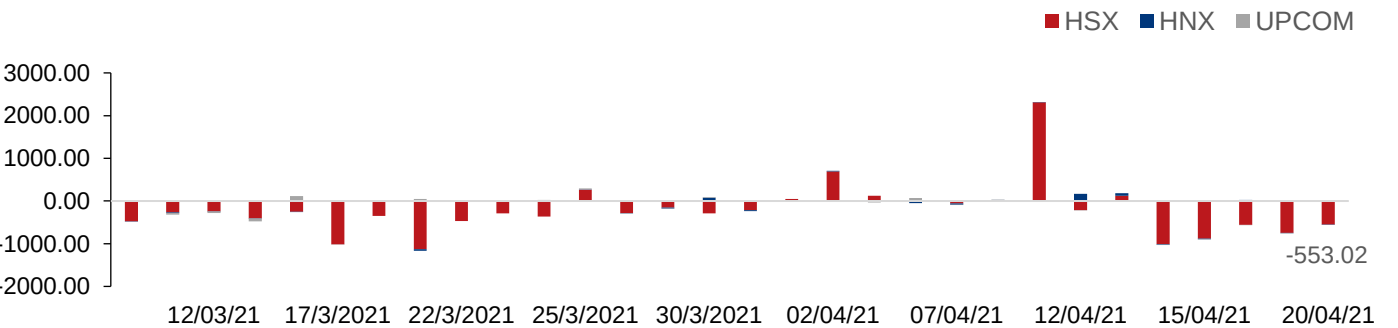
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
STG	16.90	6.96	0.03	56100.00
ROS	7.86	6.94	0.08	43.99MLN
HMC	22.35	6.94	0.01	282100
AMD	6.95	6.92	0.02	19.91MLN
TNI	4.66	6.88	0.00	2.63MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DLG	3.46	-6.99	-0.02	2.62MLN
HCD	5.19	-6.99	0.00	2.43MLN
HVX	6.17	-6.94	-0.01	2400.00
SAV	36.25	-6.93	-0.01	33000
KMR	3.90	-6.92	0.00	1.32MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	17.5	1,387	12.6	1.1	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.6	3,557	9.4	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.7	577	126.0	4.2	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.2	4,043	7.0	1.3	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	42.0	3,678	11.4	1.8	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	58.6	13,724	4.3	1.5	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	69.9	6,330	11.0	2.5	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	119.7	6,245	19.2	4.4	Click
10	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	19.2	1,765	10.9	0.9	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	27.7	2,379	11.6	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	9/3/21	22.5	30.2	25.7	-956		2.2	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	82.9	4,520	18.3	4.1	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	33.3	1,149	29.0	1.7	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	40.1	6,175	6.5	2.0	Click
16	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	57.2	4,060	14.1	3.2	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	31.6	3,387	9.3	2.0	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	17.3	1,592	10.8	1.2	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	37.3	478	78.1	1.8	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	34.2	2,044	16.7	2.3	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	19.9			1.5	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.8	3,258	11.3	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	105.5	1,054	100.1	7.8	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	142.5	8,654	16.5	4.2	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	34.7	3,127	11.1	1.6	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.2	7,985	6.8	2.3	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.7	1,830	14.6	1.7	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	94.4	4,532	20.8	4.1	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.0	1,010	12.9	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	21.9	0	53.6	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.2	1,306	17.8	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	170.0	7,064	24.1	5.5	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.2	946	22.4	1.7	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	41.2	3,521	11.7	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	103.0	4,975	20.7	4.1	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	42.6	4,166	10.2	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	16.1	570	28.2	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	36.7	3,837	9.6	1.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	99.3	4,770	20.8	6.6	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	108.6	8,314	13.1	4.2	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	25.2	943	26.7	2.1	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.5	566	18.6	1.0	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	128.0	9,182	13.9	6.9	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	49.5	4,271	11.6	2.3	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.6	1,048	33.0	2.7	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	82.7	4,060	20.4	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express AGG 2021Q1	1/4/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 34380 Kế hoạch 2021: Dự kiến doanh thu chủ yếu đến từ (i) mảng bán căn hộ - tiến hành bàn giao các dự án River Panorama 1 & 2, Sky89, The Sóng và The Standard; (ii) Ngoài ra, dự kiến dự án West gate sẽ hỗ trợ doanh thu mảng tư vấn và môi giới trong 2021. Khuyến nghị NĂM GIỮ ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish
Express ELC 2021Q1	23/3/21	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2021. doanh thu ~ 800 tỷ (không bao gồm các dự án liên quan đến gói ITS cao tốc), tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Sau năm 2021: Doanh thu trên 1,000 tỷ ELC dự kiến Q3.2021 đấu thầu gói ITS của đường cao tốc, 2021 đấu thầu 3 – 4 gói ITS nội đô ở tỉnh. Có 500 tỷ doanh thu từ 2020 chuyển sang (tỷ trọng các mảng cân bằng) Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 55600 ; Giá tại Publish 45350
HPG 2021Q1	26/2/21	Cập nhật KQKD: BSC dự báo doanh thu 2021 của HPG đạt 116,437 tỷ đồng (+29.2% YoY), LNST 18,981 tỷ đồng (+41.2% YoY, +35% so với dự báo gần nhất của chúng tôi), tương đương EPS = 5,526 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639